TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 79/2018/DS-PT Ngày 18 - 01 - 2018 V/v tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ánh

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Đắc Phú

Bà Vũ Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018 tại Phòng xử án dân sự - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 568/2017/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 516/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2913/2017/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Chu Diễm A, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 69/7 đường L, Phường X, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà Chu Diễm A: Bà Nguyễn Thị Ánh A1, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số 183/34, đường R, Phường S, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền lập ngày 08/11/2016 tại Văn phòng Công chứng Bến Thành, số công chứng: 000734, Quyển số 01)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1945;

Địa chỉ: Số 36, đường TT, Phường Y, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị B: Ông Đặng Hoàng B1, sinh năm 1981; Địa chỉ: 12/19, Khu phố B, đường YY, Phường Y, quận N,

Thành phố Hồ Chí Minh.

(Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền lập ngày 16/01/2018 tại Văn phòng Công chứng Tân Bình, số công chứng: 001078, Quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ C;

Trụ sở: số 37 đường T, phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông ST, chức danh: Tổng Giám đốc;

3.2. Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ D;

Trụ sở: Số 115 đường NN phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Hải D'; chức danh; Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị Thu D1, sinh năm 1988 – Nhân viên phòng Pháp lý; Địa chỉ thường trú: Khối 7, thị trấn QP, huyện CM, tỉnh ĐN; Địa chỉ liên lạc: Số 115 đường NN phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền số CHH0LCEN174000, ngày 22/02/2017).

3.3. Ông Bùi Văn K, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số 69/7 đường L, Phường X, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị B – Bị đơn.

(Bà A1, ông B1 có mặt; Bà D1 có đơn xin vắng mặt, Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ C vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn - Bà Chu Diễm A có bà Nguyễn Thị Ánh A1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 2015, do quen biết nên Bà Chu Diễm A có cho bà Đặng Kim H (Giấy chứng minh nhân dân số: 023014XXX) vay tiền nhiều lần, tổng số tiền vay là 2.000.000.000 đồng, với lãi suất 2%/tháng, mục đích vay để nhập hạt nhựa. Số tiền này đưa 3 lần cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào ngày 22/01/2015, chồng Bà A là ông Bùi Văn K (Giấy chứng minh nhân dân số 022508266) có chuyển 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) vào tài khoản của bà H tại Ngân hàng TMCP L.

- Lần 2: Vào ngày 21/4/2015, Bà A có nộp tiền mặt số tiền 790.000.000 đồng (Bảy trăm chín mươi triệu đồng chẵn) vào tài khoản của bà H tại Ngân hàng TMCP L, chi nhánh Sài Gòn.

- Lần 3: vào ngày 20/4/2015, Bà A đưa tiền mặt 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng) cho bà H tại nhà bà H. Đồng thời bà H viết Giấy mượn tiền ký ngày 20/4/2015 giữa nguyên đơn và bà H, trong đó bà H xác nhận có

mượn của nguyên đơn số tiền 2.000.000.000 đồng và thỏa thuận trả tiền lãi hàng tháng với lãi suất 2%/tháng.

Bà H trả lãi được tổng cộng 08 đợt với tổng số tiền là 205.000.000 đồng (Hai trăm lẻ năm triệu đồng) từ tháng 6/2015 đến tháng 10/2015. Đến tháng 11/2015, bà H nói là chưa thu được tiền nên hứa đến cuối năm 2015 sẽ trả cả gốc và lãi luôn, đến cuối năm thì Huệ cũng nói chưa có tiền và hẹn sẽ thu xếp trả. Vì là chỗ bạn bè thân nên nguyên đơn thông cảm và chờ bà H thu xếp trả nhưng đến ngày 04/4/2016, bà H chết do tự tử và vẫn chưa trả số tiền còn nợ nguyên đơn là 2.000.000.000 đồng.

Trước thời điểm chết, bà H có tham gia bảo hiểm nhân thọ với ba công ty bảo hiểm nhân thọ. Chi tiết các hợp đồng bảo hiểm của bà H như sau:

1. Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ C

- Số hợp đồng: 70142348
- Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm: Đặng Kim H
- Ngày hiệu lực hợp đồng: 12/3/2002
- Ngày đáo hạn hợp đồng: 12/3/2017
- Số tiền bảo hiểm: 25.000.000 đồng.

2. Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ D

- Số hợp đồng: 120004130566008 UL-BH
- Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm: Đặng Kim H
- Ngày hiệu lực hợp đồng: 06/12/2012
- Ngày đáo hạn hợp đồng: 06/12/2017
- Số tiền bảo hiểm: 1.000.000.000 đồng.
- Người thụ hưởng: Nguyễn Thị B (mẹ ruột của bà H)

3. Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ E:

- Số hợp đồng: 2140429
- Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm: Đặng Kim H
- Ngày hiệu lực hợp đồng: 24/6/2013
- Số tiền bảo hiểm: 1.000.000.000 đồng.

Sau khi bà H mất, bà B đã làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế để nhận quyền lợi bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm số 2140429 với Công ty BHNT E. Bà Nguyễn Thị B là người thừa kế theo pháp luật duy nhất của bà H và đã được Công ty BHNT E chấp nhận thanh toán quyền lợi bảo hiểm cho trường hợp tử vong của bà H với số tiền hơn 1,2 tỷ đồng (bao gồm cả giá trị tài khoản của hợp đồng) vào ngày 30/7/2016 và đã có Ủy nhiệm chi số VCB1008028 ngày 17/8/2016 chuyển tiền cho bà B tại Ngân hàng G – Chi nhánh quận N.

Bà B - mẹ của bà H biết việc bà H mượn tiền nguyên đơn vì nguyên đơn là bạn của bà H. Nguyên đơn có yêu cầu bà B thay bà H trả nợ từ khoản tiền mà bà B nhận được do các công ty bảo hiểm chi trả bồi thường cho trường hợp chết của bà H. Tuy nhiên, khi bà B nhận được tiền thì lại né tránh, không trả tiền mặc dù nguyên đơn đã giao cho bà B giấy mượn tiền có chữ ký của bà H.

Nay, nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị B phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền bà H đã mượn là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ) đồng từ số tiền bà B được các công ty bảo hiểm bồi thường theo các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ của bà Đặng Kim H đã ký khi còn sống.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốc quá trình Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết sơ thẩm vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ C trình bày tại văn bản số 102-17/07.17/legal ngày 27/7/2017 (bút lục 334) như sau:

Bà Đặng Kim H sinh ngày 12/4/1978 có ký kết hợp đồng bảo hiểm với công ty vào ngày 12/3/2002, số hợp đồng là 70142348 với thông tin cơ bản sau: Sản phẩm bảo hiểm là Phú tích lũy an khang; số tiền bảo hiểm 25.000.000 đồng; ngày hiệu lực hợp đồng 12/3/2002; thời gian bảo hiểm 15 năm, ngày kết thúc thời hạn bảo hiểm là 12/3/2017; bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm Đặng Kim H; giá trị hoàn lại của hợp đồng bảo hiểm tính đến ngày 15/12/2016 là 30.894.500 đồng. Trong trường hợp bà H tử vong thì tổng số tiền công ty thanh toán cho người thừa kế hợp pháp là 66.385.000 đồng. Công ty đã cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan hợp đồng bảo hiểm, không có ý kiến gì, cam kết tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của tòa.

- Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ D (tên cũ: Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ ACE Việt Nam) có bà Hồ Thị Thu D1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày tại bản tự khai ngày 27/02/2017 như sau:

Ngày 24/11/2012, bà Đặng Kim H có lập hồ sơ yêu cầu bảo hiểm số 120004130587001 với Công ty Bảo hiểm nhân thọ ACE (nay là Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ D) với nội dung tham gia sản phẩm Kế hoạch tài chính trọn đời – Quyền lợi toàn diện; mệnh giá 1.000.000.000 đồng; người thụ hưởng là bà Nguyễn Thị B. Ngày 06/12/2012, Công ty bảo hiểm đã chấp thuận yêu cầu và phát hành hợp đồng bảo hiểm số 120004130566008 UL-BH.

Ngày 04/01/2017, công ty đã nhận được hồ sơ yêu cầu thanh toán quyền lợi bảo hiểm của hợp đồng cho trường hợp bà Đặng Kim H qua đời ngày 04/4/2016. Căn cứ vào các chứng từ có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm công ty chấp nhận chi trả quyền lợi bảo hiểm với số tiền 1.033.292.100 đồng, cho người thụ hưởng là bà Nguyễn Thị B. Tuy nhiên căn cứ vào Quyết định số 23/QĐ-CCTHADS ngày 16/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N về

việc phong tỏa số tiền bảo hiểm nên tạm thời công ty chưa chi trả số tiền trên. Công ty sẽ xử lý số tiền trên theo đúng quyết định của Tòa án.

- Ông Bùi Văn K trình bày tại bản tự khai ngày 24/01/2017 như sau:

Vợ ông là Bà Chu Diễm A có cho bà H vay số tiền 2.000.000.000 đồng. Số tiền cho bà H vay là tiền riêng của nguyên đơn, ông không có ý kiến gì. Tuy nhiên, bà H vay tiền của nguyên đơn nhưng chưa thanh toán nay ông yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà B trả cho nguyên đơn số tiền 2.000.000.000 đồng trong số tiền bà B được hưởng từ những hợp đồng bảo hiểm nhân thọ bà H đã tham gia.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 516/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Bà Chu Diễm A:

Bà Nguyễn Thị B Có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản do bà Đặng Kim H chết để lại là nghĩa vụ trả cho Bà Chu Diễm A số tiền 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng để chấm dứt nghĩa vụ từ giấy mượn tiền ký ngày 20/4/2015 giữa bà Đặng Kim H và Bà Chu Diễm A trong phạm vi số tiền được nhận từ quyền lợi bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ. Thực hiện như sau:

Bà Chu Diễm A được trực tiếp liên hệ với công ty TNHH BHNT Prudential Việt Nam để nhận số tiền 66.385.000 (Sáu mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi lăm ngàn) đồng, là tiền bảo hiểm mà bà Nguyễn Thị B được thụ hưởng từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 70142348 ngày 12/3/2002;

Bà Chu Diễm A được trực tiếp liên hệ với công ty TNHH BHNT Chubb Việt Nam để nhận số tiền 1.033.292.100 (Một tỉ, không trăm ba mươi ba triệu, hai trăm chín mươi hai ngàn, một trăm) đồng, là tiền bảo hiểm mà bà Nguyễn Thị B được thụ hưởng từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 120004130566008 UL-BH ngày 06/12/2012;

Bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ còn lại là 900.322.900 (Chín trăm triệu, ba trăm hai mươi hai ngàn, chín trăm) đồng trong phạm vi số tiền 1.172.184.900 đồng quyền lợi bảo hiểm đã nhận.

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 72.000.000 (Bảy mươi hai triệu) đồng do bà Nguyễn Thị B chịu trong phạm vi số tiền 1.172.184.900 đồng đã nhận

Hoàn lại cho Bà Chu Diễm A toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0011616 ngày 11/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án nếu chưa thực hiện hết các khoản tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án trên khoản tiền chưa thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự cũng như các quy định về thi hành án dân sự.

Ngày 09/10/2017, bị đơn là bà Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết, xem xét lại tài liệu liên quan đến việc vay nợ và số tiền nợ giữa con bà là Đặng Kim H với Bà Chu Diễm A.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị B (có ông Đặng Hoàng B1 đại diện theo ủy quyền) trình bày: Bị đơn xác nhận bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ do người chết là bà Đặng Kim H để lại đối với người có quyền là Bà Chu Diễm A, số tiền vay là 2.000.000.000 đồng phát sinh từ giấy mượn tiền ngày 20/4/2015 giữa bà H và Bà A. Tuy nhiên, bị đơn đề xuất phương án thỏa thuận với nguyên đơn như sau: Bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền còn lại từ hai công ty bảo hiểm, cụ thể là từ Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ C số tiền 66.385.000 đồng và Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ D số tiền 1.033.292.100 đồng; tổng cộng hai khoản là 1.099.677.100 đồng để chấm dứt nghĩa vụ phát sinh từ giấy mượn tiền ngày 20/4/2015 lập giữa bà Đặng Kim H và Bà Chu Diễm A. Bị đơn đồng ý để nguyên đơn tự liên hệ với hai công ty bảo hiểm nói trên để nhận quyền lợi bảo hiểm từ các hợp đồng bảo hiểm mà bà Đặng Kim H đã ký với hai công ty bảo hiểm. Bị đơn sẽ không khiếu nại gì trong việc Bà A nhận số tiền bảo hiểm này. Số tiền còn lại là 900.322.900 đồng (2.000.000.000 đồng - 1.099.677.100 đồng) bị đơn xin không trả tiếp. Về số tiền lãi 205.000.000 đồng mà bà H đã trả cho Bà A được trừ vào tiền lãi mà bà H chưa trả, bị đơn không yêu cầu tính lại và không yêu cầu giải quyết. Về án phí, bị đơn phải nộp nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn cho bị đơn, vì bị đơn là người cao tuổi.

Nguyên đơn – Bà Chu Diễm A (có bà Nguyễn Thị Ánh A1 đại diện theo ủy quyền) trình bày: Nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị B thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết là bà Đặng Kim H để lại, đó là việc thanh toán khoản tiền nợ vay 2.000.000.000 đồng từ giấy mượn tiền ngày 20/4/2015. Nay bị đơn đưa ra phương án hòa giải như trên, nguyên đơn cũng đồng ý vì giữa nguyên đơn và bà H cũng là bạn bè, nay bà H đã chết nên chỉ muốn nhận lại phần nào số tiền mà bà H vay tại giấy mượn tiền ngày 20/4/2015, nguyên đơn sẽ nhận số tiền còn lại từ hai công ty bảo hiểm với tổng số tiền là 1.099.677.100 đồng, số tiền còn lại là 900.322.900 đồng nguyên đơn không yêu cầu bà B trả tiếp. Về số tiền lãi 205.000.000 đồng mà nguyên đơn đã nhận, được trừ vào tiền lãi mà bà H chưa trả, nguyên đơn không yêu cầu trả thêm và cũng không yêu cầu giải quyết. Án phí bị đơn phải nộp theo quy định.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là ông Đỗ Văn Hiếu – Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Về hình thức, đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị B làm trong thời hạn luật định, nên chấp nhận.

Về nội dung, tại phiên tòa các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, theo đó bà B đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền từ hai công ty bảo hiểm là 1.099.677.100 đồng và không yêu cầu bà B trả tiếp số tiền còn lại 900.322.900 đồng, bị đơn đồng ý cho nguyên đơn được tự liên hệ với các công ty bảo hiểm để nhận tiền. Xét, sự thỏa thuận này của các đương sự là phù hợp theo quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự để sửa bản án sơ thẩm theo nội dung thỏa thuận nói trên của đương sự. Về án phí dân sự sơ thẩm, do bị đơn là người cao tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Ngày 28/9/2017, Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án, bị đơn - bà Nguyễn Thị B vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 06/10/2017, bà B đã được tống đạt hợp lệ bản án sơ thẩm. Ngày 09/10/2017, bà B nộp đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của bà B được nộp trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, hợp lệ nên chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ D (ủy quyền cho bà Hồ Thị Thu D1 đại diện) và ông Bùi Văn K có đơn xin vắng mặt; Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 2, Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản do bà Đặng Kim H chết để lại, đó là hoàn trả cho Bà Chu Diễm A số tiền 1.099.677.100 (Một tỷ không trăm chín mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi bảy ngàn một trăm) đồng trong tổng số tiền 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng mà bà Đặng Kim H vay của bà Chu Diễm A tại "Giấy mượn tiền" ngày 20/4/2015 ký giữa Bà A và bà H, "Giấy chuyển tiền" ngày 22/01/2015 giữa bên chuyển tiền là ông Bùi Văn K (chồng của Bà A) và người thụ hưởng là bà H, "Giấy nộp tiền" ngày 21/04/2015 giữa người nộp tiền là Bà A, người nhận tiền là bà H. Việc trả tiền được thực hiện bằng cách:

- Bà Chu Diễm A được trực tiếp liên hệ với Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ C để nhận số tiền 66.385.000 (Sáu mươi sáu triệu ba trăm tám mươi lăm ngàn) đồng, là tiền chi trả quyền lợi bảo hiểm mà bà Nguyễn Thị B được

thụ hưởng từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 70142348 ngày 12/3/2002 giữa Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ C với bà Đặng Kim H;

- Bà Chu Diễm A được trực tiếp liên hệ với Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ D để nhận số tiền 1.033.292.100 (Một tỉ không trăm ba mươi ba triệu hai trăm chín mươi hai ngàn một trăm) đồng, là tiền chi trả quyền lợi bảo hiểm mà bà Nguyễn Thị B được thụ hưởng từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 120004130566008 UL-BH ngày 06/12/2012 giữa công ty TNHH BHNT D với bà Đặng Kim H;

Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Chu Diễm A về việc không yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả tiếp số tiền còn lại là 900.322.900 (Chín trăm triệu ba trăm hai mươi hai ngàn chín trăm) đồng (*tức là số tiền vay 2.000.000.000 đồng - 1.099.677.100 đồng nêu tại Điều 1*) của "Giấy mượn tiền" ngày 20/4/2015 ký giữa Bà A với bà Đặng Kim H.

Xét, sự thỏa thuận nói trên của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên tòa.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 1.099.677.100 đồng; án phí được tính là: 36.000.000 đồng + (3% x 299.677.100 đồng) = 44.990.313 đồng. Tiền án phí này cũng nằm trong số tiền bà B được nhận quyền lợi bảo hiểm do bà H để lại. Tuy nhiên, bà B (sinh năm 1945) là người cao tuổi, nên căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật Người cao tuổi, nên Hội đồng xét xử miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nêu trên cho bị đơn. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.000.000 đồng.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm, do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, nên đương sự kháng cáo là bà Nguyễn Thị B phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng bà B là người cao tuổi nên miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm cho bà B. Hoàn trả cho bà B số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng mà bà B đã nộp (do ông Đặng Hoàng B1 nộp thay) theo biên lai thu số AA/2017/0006979 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 và Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 612 và Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009 của Quốc hội quy định về Người cao tuổi;

Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đính kèm danh mục án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn – bà Nguyễn Thị B do nộp trong thời hạn luật định. Sửa bản án sơ thẩm. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản do bà Đặng Kim H chết để lại, đó là hoàn trả cho Bà Chu Diễm A số tiền 1.099.677.100 (Một tỷ không trăm chín mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi bảy ngàn một trăm) đồng trong tổng số tiền 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng mà bà Đặng Kim H vay của bà Chu Diễm A tại "Giấy mượn tiền" ngày 20/4/2015 ký giữa Bà A và bà H, "Giấy chuyển tiền" ngày 22/01/2015 giữa bên chuyển tiền là ông Bùi Văn K (chồng của Bà A) và người thụ hưởng là bà H, "Giấy nộp tiền" ngày 21/04/2015 giữa người nộp tiền là Bà A, người nhận tiền là bà H. Việc trả tiền được thực hiện bằng cách:

- Bà Chu Diễm A được trực tiếp liên hệ với Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ C để nhận số tiền 66.385.000 (Sáu mươi sáu triệu ba trăm tám mươi lăm ngàn) đồng, là tiền chi trả quyền lợi bảo hiểm mà bà Nguyễn Thị B được thụ hưởng từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 70142348 ngày 12/3/2002 giữa Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ C với bà Đặng Kim H;

- Bà Chu Diễm A được trực tiếp liên hệ với Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ D để nhận số tiền 1.033.292.100 (Một tỉ không trăm ba mươi ba triệu hai trăm chín mươi hai ngàn một trăm) đồng, là tiền chi trả quyền lợi bảo hiểm mà bà Nguyễn Thị B được thụ hưởng từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ số 120004130566008 UL-BH ngày 06/12/2012 giữa Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ D với bà Đặng Kim H;

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Chu Diễm A về việc không yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả tiếp số tiền còn lại là 900.322.900 (Chín trăm triệu ba trăm hai mươi hai ngàn chín trăm) đồng (*tức là số tiền vay 2.000.000.000 đồng - 1.099.677.100 đồng nêu tại Điều 1*) của "Giấy mượn tiền" ngày 20/4/2015 ký giữa Bà A với bà Đặng Kim H.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 44.990.313 (Bốn mươi bốn triệu chín trăm chín mươi ngàn ba trăm mười ba) đồng cho bà Nguyễn Thị B.

Hoàn trả cho Bà Chu Diễm A số tiền tạm ứng án phí là 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng mà Bà A đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0011616 ngày 11/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng cho bà Nguyễn Thị B. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng mà bà B đã nộp (do ông Đặng Hoàng B1 nộp thay) theo biên lai thu số AA/2017/0006979 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (T/20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Ánh